

Số: 194/2025/QĐST-LĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trần Trung Tín.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 288/2025/TLST-VLĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 288/2025/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Lô Thị A, sinh năm 1991; địa chỉ: Bản Ô Ô G, xã V, tỉnh Nghệ An. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Công ty TNHH Y; địa chỉ: Lô N, đường B, KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; thường trú: Bản Ô Ô G, xã V, tỉnh Nghệ An; tạm trú: 121 khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở D; địa chỉ: Đường T, khu T hành chính D, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Lô Thị A trình bày:*

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2007 đến tháng 4/2024 bà Lô Thị A có ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S (Việt Nam) có địa chỉ tại Số A, Đường D, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh). Trong thời gian làm việc tại Công ty bà Lô Thị A có đóng bảo hiểm xã hội với các số sổ bảo hiểm: 7410250468; 9107240507,

Bà Lô Thị A có nhu cầu rút bảo hiểm nên đã liên hệ với Bảo hiểm xã hội để rút bảo hiểm theo quy định. Tuy nhiên Bảo hiểm xã hội thông báo thời điểm từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2011 bà Lô Thị A có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH Y và Công ty này có thực hiện đóng bảo hiểm cho bà trong thời gian trên. Nhưng trong khoảng thời gian này bà A đang làm việc cho một công ty khác và được đóng bảo hiểm. Nên đến nay bà không thể rút bảo hiểm xã hội theo đúng quy định.

Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào tháng 10/2011 bà Nguyễn Thị N đã mượn chứng minh nhân dân của bà Lô Thị A giao kết Hợp đồng lao động tại Công ty TNHH Y trong thời gian từ tháng 10/2010 đến 01/2011. Quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị N được Công ty TNHH Y tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm là 7410302600. Vì thiếu hiểu biết, bà Lô Thị A nghĩ rằng việc cho bà Nguyễn Thị N sử dụng thông tin của mình để ký kết hợp đồng lao động với tại Công ty TNHH Y là không vi phạm và chỉ mong muốn cho bà Nguyễn Thị N có công việc để đi làm.

Nay bà Lô Thị A yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lô Thị A và Công ty TNHH Y là vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị N và bà Lô Thị A là chị em. Thời điểm năm 2010 bà Nguyễn Thị N bị lạc mất chứng minh nhân dân, không đủ hồ sơ để giao kết hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Lô Thị A để xin vào làm việc tại Công ty TNHH Y và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2011 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7410302600. Nay bà Nguyễn Thị N thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà Lô Thị A và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lô Thị A với Công ty TNHH Y vô hiệu. Bà Nguyễn Thị N cũng không yêu cầu gì trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của Lô Thị A và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Bảo hiểm xã hội cơ sở D trình bày: Bà Lô Thị A có số CCCD 040191009890, ngày sinh 03/10/1991 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, với các mã số bảo hiểm xã hội như sau:

+ Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7410250468, bà Lô Thị A tham gia BHXH từ tháng 5/2013 đến tháng 4/2024 tại Công ty TNHH S (Việt Nam).

+ Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7410302600, bà Lô Thị A tham gia BHXH từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2011 tại Công ty TNHH Y.

+ Đối với mã số bảo hiểm xã hội 9107240507, bà Lô Thị A tham gia BHXH từ tháng 10/2007 đến tháng 03/2010 tại Công ty TNHH S (Việt Nam).

Đối với yêu cầu của bà Lô Thị A, Bảo hiểm xã hội cơ sở D đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Y đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp, người yêu cầu bà Lô Thị A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D, bà Nguyễn Thị N đã

chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, Công ty TNHH Y chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Lô Thị A là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu bà Lô Thị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D, bà Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty TNHH Y đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2011, người lao động Nguyễn Thị N giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y và được Công ty TNHH Y tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7410302600. Tuy nhiên, bà Lô Thị A và bà Nguyễn Thị N đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y và thực tế làm việc tại công ty T khoảng thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2011 là bà Nguyễn Thị N (do bà Lô Thị A cho bà Nguyễn Thị Như M chứng minh nhân dân).

[3] Xét thấy, lời khai của bà Lô Thị A và bà Nguyễn Thị N phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Theo đó, trong khoảng thời gian từ tháng 10/2007 đến tháng 4/2024, bà Lô Thị A đã giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH S (Việt Nam) và từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2011, bà Nguyễn Thị N giao kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH Y với tên và thông tin của bà Lô Thị A, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp số 7410302600. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y trong khoảng thời gian tháng 10/2010 đến tháng 01/2011 là bà Nguyễn Thị N, không phải bà Lô Thị Anh. Đây là hợp đồng lao động không đúng về chủ thể, thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lô Thị A về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lô Thị A với Công ty TNHH Y theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410302600 bị vô hiệu.

[5] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*", chấp nhận yêu cầu của bà Lô Thị A và ý kiến của bà Nguyễn Thị N về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH Y trong giai đoạn từ tháng 10/2010 đến tháng 01/2011 là bà Nguyễn Thị N, không phải là bà Lô Thị Anh. Bà Lô Thị A có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410302600.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Bà Lô Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc lao động.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lô Thị Anh .

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lô Thị A với Công ty TNHH Y (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410302600) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7410302600 không phải là bà Lô Thị A, sinh năm 1991; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 040191009890. Bà Lô Thị A được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7410302600.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lô Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0011784 ngày 27/8/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT,HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Trung Tín

